CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

BÌNH DƯƠNG - NĂM 2025

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG ..... - 4 -

1. Thông tin khái quát: ..... - 4 -
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: ..... - 5 -
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý ..... - 6 -
4. Định hướng phát triển: ..... - 7 -
5. Các rủi ro: ..... - 9 -

5.1. Rủi ro về kinh tế: ..... - 9 -

5.2. Rủi ro về pháp luật: ..... - 9 -

5.3. Rủi ro về môi trường: ..... - 9 -

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024 ..... - 10 -

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: ..... - 10 -
2. Tổ chức và nhân sự: ..... - 11 -
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: ..... - 13 -
4. Tình hình tài chính ..... - 15 -
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: ..... - 15 -
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty ..... - 18 -

6.1. Tác động lên môi trường: ..... - 18 -

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: ..... - 18 -

6.3. Tiêu thụ năng lượng: ..... - 18 -

6.4. Tiêu thụ nước: ..... - 19 -

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: ..... - 19 -

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động: ..... - 19 -

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. ..... - 20 -

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC ..... - 21 -

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: ..... - 21 -
2. Tình hình tài chính: ..... - 21 -
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý ..... - 22 -
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai ..... - 22 -
5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: ..... - 23 -
6. Báo cáo đánh giá liên quan trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty: ..... - 23 -

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ..... - 24 -

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: - 24 -
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty: - 24 -
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: - 24 -
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY - 25 -
1. Hội đồng quản trị: - 25 -
2. Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán: - 30 -
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc. - 31 -
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH - 32 -
1. Ý kiến kiểm toán: - 32 -
2. Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán: - 32 -

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700480244 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.
- Vốn điều lệ: 201.213.950.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 201.213.950.000 đồng
- Địa chỉ: Số 119A/2, tổ 4, KP 1B, P.An Phú, TX. Thuận An, Tỉnh Bình Dương
- Số điện thoại: (0274) 371 2292
- Số fax: (0274) 3714036
- Website: www.apic.com.vn
- Mã cổ phiếu: APC
- Quá trình hình thành và phát triển:

Việc thành lập

Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú tiền thân là Công ty Cổ phần chiếu xạ Thực phẩm. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 4603000059 ngày 20/01/2003; đăng ký thay đổi lần 1 đổi tên từ Công ty Chiếu xạ thực phẩm thành Công ty Cổ phần Chiếu xạ Bình Dương ngày 01/02/2005; đăng ký thay đổi lần 2 đổi tên từ Công ty Cổ phần Chiếu xạ Bình Dương thành Công ty Cổ phần An Phú Bình Dương ngày 23/11/2006; đăng ký thay đổi lần 7 số 3700480244 ngày 21/7/2009 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú; đăng ký thay đổi lần 9 ngày 22/3/2011; thay đổi lần thứ 10 vào ngày 18/12/2013; thay đổi lần thứ 11 ngày 02/04/2015; đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 19/09/2018; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 06/02/2020; đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 31/03/2020; đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10/09/2020 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 73/CN-UB ngày 30 tháng 6 năm 2003 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp;

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 6803760767, chứng nhận lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2009 và chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 16 tháng 12 năm 2016 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Vĩnh Long cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 2530281101, chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2018 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Bắc Ninh cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 7538722580, chứng nhận lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2019 và chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 08 tháng 12 năm 2021 do Ban quản lý Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 3700480244-004, chứng nhận lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2024 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Niêm yết:

APC được Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM chấp thuận cho niêm yết kể từ ngày 22/01/2010 và chính thức giao dịch từ ngày 05/02/2010.

Loại chứng khoán:	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán:	APC
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng chứng khoán niêm yết hiện nay:	20.121.395 cổ phiếu

Ngày 09/04/2024 APC hủy niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM.

Ngày 15/05/2024 Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chính thức đưa cổ phiếu APC vào giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCOM).

- **Các sự kiện khác:**
  - Năm 2005: Chính thức đưa vào vận hành dây chuyền chiếu xạ I.
  - Năm 2006: Hoàn thành thêm một dây chuyền chiếu xạ thứ 2 và đưa vào sản xuất kinh doanh.
  - Năm 2007: Kho lạnh 3.000 tấn chính thức đưa vào hoạt động.
  - Năm 2009: Đầu năm 2009 nộp đơn cho APHIS để tham gia chương trình chiếu xạ trái cây xuất khẩu đi Mỹ, đến tháng 7/2009 Công ty chính thức được APHIS (Cục kiểm dịch động thực vật – Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ) cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn chiếu xạ trái cây xuất sang Mỹ.
  - Năm 2010: 8.640.000 cổ phiếu của API được chính thức niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM vào ngày 05-02-2010 với mã chứng khoán là APC.
  - Tháng 4/2010: Khởi công xây dựng Nhà máy chiếu xạ An Phú Bình Minh tại KCN Bình Minh, Vĩnh Long.
  - Tháng 6/2010: Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 86.400.000.000 đồng lên 114.480.000.000 đồng để bổ sung vốn xây dựng Nhà máy Chiếu xạ An Phú Bình Minh.
  - Tháng 10/2011: Nhà máy chiếu xạ An Phú Bình Minh chính thức đi vào hoạt động.
  - Tháng 10/2014: Phát hành 572.400 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
  - Tháng 5/2016: Sáp nhập Công ty TNHH MTV An Phú Bình Minh thành chi nhánh 01 của Công Ty CP Chiếu Xạ An Phú.
  - Tháng 5/2018 : Khởi công xây dựng nhà máy Chiếu xạ An Phú- Chi nhánh 02 và thành lập Công Ty CP Chiếu Xạ An Phú- Chi nhánh 02 tại Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
  - Tháng 03/2021: Thành lập Công Ty CP Chiếu Xạ An Phú - Chi nhánh 03 tại Tại Khu Công Nghệ Cao, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam..

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- **Ngành nghề kinh doanh chính**
  - Chiếu xạ khử trùng các loại thủy hải sản, các loại dụng cụ y tế, trái cây
  - Dịch vụ bảo quản rau quả đông lạnh
  - Dịch vụ bảo quản các loại thực phẩm
  - Chiếu xạ bảo quản các sản phẩm công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng
  - Bán buôn thủy hải sản, các sản phẩm từ thịt
  - Buôn bán các mặt hàng nông sản.
- **Địa bàn kinh doanh:** Công ty hoạt động kinh doanh ở địa bàn tỉnh Bình Dương, Thành Phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Long và Bắc Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị:** Công ty tổ chức mô hình quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 137 Luật doanh nghiệp 2020 bao gồm:
  * Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc
- **Cơ cấu bộ máy quản lý:** Theo sơ đồ tổ chức

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

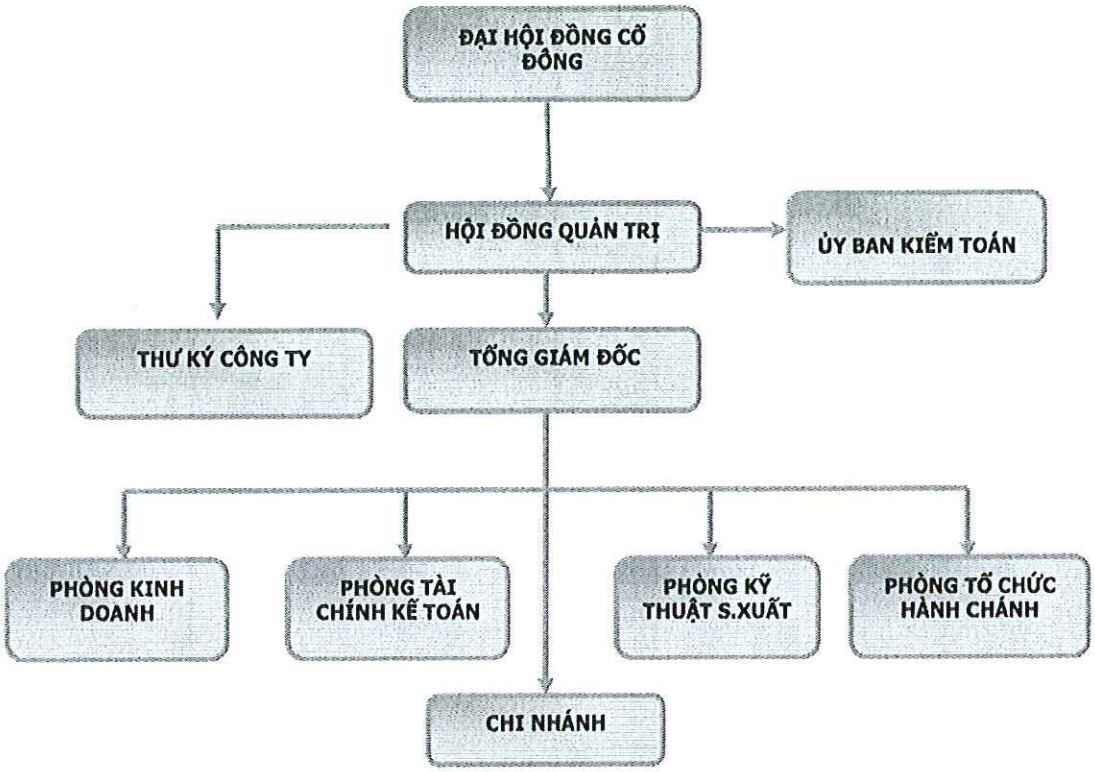

Trụ sở công ty:

- *Địa chỉ:119A/2, Tổ 4, khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương*
- *Điện thoại: 0274-3712292* *Fax: 0274-3714036*

Chi nhánh 01:

- *Địa chỉ: Lô C1 và C2 Khu công nghiệp Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị Xã Bình Minh, Vĩnh Long*
- *Điện thoại: 02703-765886* *Fax: 02703-765887*

Chi nhánh 02:

- **Địa chỉ: Số** *29, đường 9, Khu công nghiệp Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.*

Chi nhánh 03:

- Địa chỉ *: Lô E6-6, Lô E6-7, Đường D1 Khu Công Nghệ Cao, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh.*

Văn phòng đại diện tại Hồ Chí Minh:

- Địa chỉ *: 157 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.*

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Sứ mệnh và mục tiêu của Công ty CP Chiếu xạ An Phú:

Sứ mệnh:

- Ứng dụng nguồn phóng xạ Cobalt 60 vào đời sống
- Hướng đến dịch vụ hoàn hảo hơn cho khách hàng.
- Thực hiện tiêu chí : Cho thực phẩm Lành- Sạch- Ngon

Mục tiêu, chiến lược:

- *Kinh doanh:* Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ hàng hóa tiêu thụ nội địa góp phần thực thi tốt chính sách an toàn vệ sinh thực phẩm.
- *Đầu tư:* Đầu tư nâng cấp lại máy móc thiết bị tại Nhà máy Bình Dương, đầu tư Nhà Máy chiếu xạ tại Bắc Ninh, đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu tại TPHCM đảm bảo an toàn sản xuất cũng như nâng cao năng suất hoạt động của Nhà máy.
- Định hướng tổng mức đầu tư cao để đảm bảo cho sự phát triển trong tương lai:

  Trong giai đoạn 2018 - 2020, Công ty Chiếu Xạ An Phú đầu tư khoảng 25 triệu Euro vào việc mở rộng năng lực sản xuất cũng như đầu tư cho việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm và quy trình mới, bảo đảm thị phần trong các lĩnh vực kinh doanh chiến lược quan trọng.

  Công ty hiện nay đã và đang thực những nhiệm vụ quan trọng sau:

  ✓ Đầu tư thêm chi nhánh mới, trang bị máy móc thiết bị hiện đại hàng đầu thế giới.
  ✓ Tham gia các hội thảo chuyên ngành, tiếp thu thêm những công nghệ mới. Tiếp xúc với các đối tác chiến lược và liên kết nghiên cứu ứng dụng sản phẩm, phát triển thị trường mới nhằm đa dạng hoá mặt hàng, ngành hàng có thể chiếu xạ theo kế hoạch để tăng doanh thu.
  ✓ Nâng cao hình ảnh thông qua việc quảng bá, tham gia hội chợ triển lãm giới thiệu dịch vụ
  ✓ Kế hoạch kinh doanh năm 2025:

Chỉ tiêu	Thành tiền
Doanh thu bán hàng và dịch vụ	152.078.000.000 đồng
Lợi nhuận trước thuế:	1.194.100.000 đồng

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Tiếp tục duy trì và phát triển thêm dịch vụ chiếu xạ các mặt hàng thủy sản, nông sản, dược phẩm,...và nhiều mặt hàng khác có tiềm năng lớn trong tương lai.

Công ty đẩy mạnh chiếu xạ các sản phẩm có biên lợi nhuận cao như chiếu xạ sản phẩm đóng hộp, thiết bị y tế, đồ khô, gia vị,... Trong khi đó, chiếu xạ trái cây tươi chưa mang lại hiệu quả cao. Với quy mô chiếu xạ trái cây tươi còn thấp, mảng hoạt động này chưa mang lại hiệu quả cao cho công ty. Tuy nhiên, nhờ vào triển vọng ngành, Công ty sẽ có cơ hội rất lớn trong việc mở rộng thị phần cho mảng hoạt động này.

Chiến lược sản phẩm:

Sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính của Công ty trong năm 2024

a. Dịch vụ Chiếu xạ thực phẩm

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là chiếu xạ các loại hàng hoá nhằm diệt vi sinh trên các loại thiết bị y tế, thực phẩm như: nông sản, trái cây, thủy hải sản..., đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm cho các loại thực phẩm sau khi qua các quy trình xử lý chiếu xạ.

Hiện nay trên thế giới có hơn 30 nước sử dụng công nghệ chiếu xạ thực phẩm để xử lý và bảo quản hơn 40 loại thực phẩm khác nhau bao gồm trái cây, rau, ngũ cốc, thịt, tôm cá, gia cầm... Đây là một công nghệ đảm bảo an toàn về mặt vệ sinh thực phẩm và rất kinh tế. Tuy vậy, công nghệ này chưa được sử dụng rộng rãi ở nước ta. Người tiêu dùng chưa được cung cấp đầy đủ thông tin về tính an toàn của thực phẩm chiếu xạ cũng như còn cảm giác e ngại vì thực phẩm liên quan đến chiếu xạ.

Những nghiên cứu này cho thấy thực phẩm chiếu xạ có những lợi ích sau:

- Thứ nhất, chiếu xạ với liều thích hợp sẽ tiêu diệt được các vi khuẩn và vi sinh vật gây bệnh như E.coli, Trichina, Salmonella (vi khuẩn làm thực phẩm có tính độc)... có trong thịt và gia cầm hay các loại thực phẩm khác, ngăn chặn sự nảy mầm của khoai tây và tỏi, làm chậm quá trình chín của trái cây...
- Thứ hai, thực phẩm chiếu xạ không tiếp xúc với chất phóng xạ mà chỉ bị chiếu bởi tia gamma từ nguồn phóng xạ, do đó không thể trở thành "thực phẩm phóng xạ" được.
- Thứ ba, sau khi chiếu xạ, thực phẩm không xuất hiện bất kỳ độc tố nào và không có sự thay đổi các thành phần hóa học gây ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe con người.
- Thứ tư, chiếu xạ không làm giảm giá trị dinh dưỡng cũng như các vitamin trong thực phẩm, ngoài ra cũng không có thay đổi nào của acid amin và acid béo...
- Thứ năm, các nhà máy sử dụng công nghệ chiếu xạ thực phẩm vận hành theo đúng quy trình an toàn sẽ không gây hại gì đến môi trường xung quanh cũng như không gây ảnh hưởng bất lợi về sức khỏe của công nhân làm việc.

Đồng thời thực phẩm chiếu xạ cũng góp phần tạo ra nguồn thực phẩm sạch và do đó sẽ làm giảm những vụ ngộ độc thực phẩm tập thể đang rất hay xảy ra ở nước ta.

b. Dịch vụ cho thuê kho lạnh:

Ngoài hoạt động chiếu xạ, khử trùng thực phẩm, Công ty Chiếu xạ An Phú còn có hoạt động cho thuê kho lạnh. Kho lạnh của Công ty được thiết kế với công suất tối đa 3.000 tấn. Hiện tại công suất cho thuê kho lạnh tại Công ty đã đạt tối đa công suất hữu dụng 2.100 tấn, do nhu cầu thuê kho lạnh bảo quản hàng hóa của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu ngày càng tăng. Tiêu chuẩn lưu trữ kho lạnh đạt chất lượng cao, thu hút được sự ủng hộ của nhiều khách hàng trung thành, liên tục kể từ khi xây dựng hoàn thành. Năm 2011, Công ty đưa vào hoạt động thêm kho lạnh tại KCN Bình Minh với công suất thiết kế 1.000 tấn, nâng tổng công suất hữu dụng kho lạnh của toàn hệ thống lên 3.100 tấn.

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Đối với môi trường: Đảm bảo tiêu chí không gây ô nhiễm môi trường.
- Đối với xã hội và cộng đồng: Công ty thực hiện theo sứ mệnh: CHO THỰC PHẨM LÀNH – SẠCH – NGON

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về kinh tế:

Nền kinh tế luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro vốn có và nó tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến các thành phần kinh tế, ngành nghề hay cụ thể là các doanh nghiệp. Những rủi ro này được hình thành từ sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá v.v…

5.2. Rủi ro về pháp luật:

Bên cạnh những rủi ro về điều kiện kinh tế vĩ mô, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của khuôn khổ luật pháp trong và ngoài nước. Rủi ro về pháp luật có tính hệ thống, có khả năng gây ảnh hưởng đến ngành và toàn nền kinh tế.

Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, với việc cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên HOSE - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty còn phải tuân thủ theo các quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng với các quy định pháp luật liên quan khác.

5.3. Rủi ro về môi trường:

Ngày nay, nguồn bức xạ đang được ứng dụng ở nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội. Qua khảo sát cho thấy, một số ứng dụng của nguồn bức xạ rất thiết thực và hiệu quả. Lợi ích của nguồn bức xạ mang lại, nó cũng có thể gây ra những mối nguy hiểm lớn ảnh hưởng tới sức khỏe con người và môi trường nếu quản lý và phòng ngừa không tốt. Các mối nguy hiểm và rủi ro mà nguồn bức xạ gây ra có hiệu ứng sinh học nhất định và ngẫu nhiên, mức độ xảy ra phụ thuộc vào liều bức xạ, chính điều này làm cho vấn đề đảm bảo an toàn phải tuân quy định của các cơ quan ban ngành có liên quan đến lĩnh vực này.

Đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty là sử dụng thiết bị chiếu xạ và nguồn bức xạ cho việc chiếu xạ các sản phẩm trái cây, thủy hải sản, thực phẩm…Vì vậy hoạt động của Công ty phải chịu sự giám sát của các cơ quan chức năng như Bộ khoa học và công nghệ, Cục kiểm soát và An toàn bức xạ, hạt nhân. Khi tiến hành sản xuất kinh doanh, Công ty phải xin giấy phép cho việc sử dụng thiết bị chiếu xạ và nguồn xạ. Giấy phép này có thời hạn sử dụng trong vòng 05 năm, do Bộ Khoa học Công nghệ cấp. Từ khi thành lập cho đến nay, Công ty luôn sử dụng thiết bị và nguồn xạ đúng với mục đích hoạt động kinh doanh của mình, tuân thủ chặt chẽ, nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước về việc sử dụng thiết bị chiếu xạ và nguồn bức xạ, không để xảy ra các trường hợp gây hại đến môi trường. Ngoài ra, Công ty luôn nhận được sự giúp đỡ, hướng dẫn của các cơ quan có chức năng quản lý. Vì vậy, rủi ro liên quan đến việc sử dụng thiết bị và nguồn xạ là rất thấp và luôn được Công ty sử dụng phù hợp với quy định của Nhà nước.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

Năm 2024, tình hình kinh tế trong nước và thế giới gặp nhiều diễn biến phức tạp nhưng với sự quyết tâm và nỗ lực hết mình, Công ty CP Chiếu xạ An Phú đã phấn đấu để đạt được các chỉ tiêu dưới đây:

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**VI.1**	**131.101.428.097**	**117.910.322.495**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		**131.101.428.097**	**117.910.322.495**
4. Giá vốn hàng bán	VI.2	99.358.484.124	92.509.685.062
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		**31.742.943.973**	**25,400.637.433**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.068.838.071	4.594.616.624
7. Chi phí tài chính	VI.4	20.308.359.399	32.044.190.850
- Trong đó: Chi phí lãi vay		*19.937.338.082*	*31.840.194.487*
8. Chi phí bán hàng	VI.5	4.790.338.903	4.832.639.449
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	28.273.149.924	27.968.518.839
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		**(20.560.066.182)**	**(34.850.095.081)**
11. Thu nhập khác	VI.7	552.688.115	171.506.771
12. Chi phí khác	VI.8	351.949.309	265.147.867
13. Lợi nhuận (lỗ) khác		**200.738.806**	**(93.641.096)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		**(20.359.327.376)**	**(34.943.736.177)**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	V.14	500.551.395	665.320.184
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		**(20.859.878.771)**	**(35.609.056.361)**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	(1.048)	(1.789)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.7	(1.048)	(1.789)

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Thực hiện 2023	So sánh với KH 2024	Tăng/ giảm so với 2023
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	148.044.107.996	131.101.428.097	117.910.322.495	88,56%	11,19%
2	Lợi nhuận trước thuế	(16.301.000.000)	(20.359.327.376)	(34.943.736.177)	(124,90%)	41,74%

Kết quả thực hiện của năm 2024 về doanh thu đạt 131.101.428.097 đồng, tương ứng thực hiện 88,56% so kế hoạch đặt ra, lợi nhuận trước thuế ghi nhận mức lỗ 20.359.327.376 đồng. So sánh với kết quả kinh doanh năm 2023 thì doanh thu tăng 13.191.105.602 đồng, tương ứng mức tăng 11,19% và lợi nhuận trước thuế tăng thêm 14.749.177.590 đồng, tương ứng với mức tăng 41,74% so với cùng kỳ và thu hẹp mức lỗ của công ty. Kết quả kinh doanh năm 2024 mặc dù chưa đạt so với kế hoạch đề ra nhưng đã bắt đầu có những điểm sáng tích cực.

Doanh thu bắt đầu có sự tăng trưởng 11.19% so với cùng kỳ năm trước, đây cũng là mức tăng trưởng tương đương với mức tăng trưởng của kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm 2024 của cả nước. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm 2024 tăng hơn 12% so năm 2023. Điều này cho thấy sự chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh của công ty khi tình hình xuất khẩu ngành thủy sản được cải thiện. Bên cạnh đó, gánh nặng chi phí tài chính của công ty đã bắt đầu giảm dần, cụ thể là chi phí lãi vay năm 2024 cũng giảm đi đáng kể 11.902.856.405 đồng, tương ứng mức giảm 37,37% so với năm 2023.

Trường hợp các yếu tố khác không thay đổi và công ty tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu tích cực và tiết giảm chi phí tài chính như hiện tại thì mục tiêu kết quả kinh doanh có lãi sẽ sớm đạt được trong các năm tới.

2. Tổ chức và nhân sự:

✦ DANH SÁCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

Bà: **VÕ THÙY DƯƠNG**			
Ngày tháng năm sinh	02/06/1991	Nơi sinh	Tp. HCM
Dân tộc	Kinh		
Quê quán	Tp.HCM	Quốc tịch	Việt Nam
Số CCCD	079191024005		
Địa chỉ thường trú	118/75 Bạch Đằng, P.24, Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân QTKD & DN		
Quá trình công tác: -Từ Tháng 12/2014 – 31/01/2015: Làm việc tại Công ty cổ phần Chiếu Xạ An Phú với cương vị Phó Tổng Giám Đốc công ty. - Từ 1/2/2015 – 5/2/2015: Tổng Giám đốc Công ty CP Chiếu xạ An Phú - Từ 6/2/2015- 24/07/2020 : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cp Chiếu xạ An Phú - Từ 24/07/2020 - Nay : Thành Viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cp Chiếu xạ An Phú			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành Viên HĐQT kiêm TGĐ		
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân + Số cổ phần đại diện	8.052.920 cổ phần (tỷ lệ 40.46% VĐL) 8.052.920 cổ phần (tỷ lệ 40.46% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)		

Ông: **VÕ THÁI THUẬN**			
Ngày tháng năm sinh	28/12/1957	Nơi sinh	Trà Vinh
Dân tộc	Kinh		
Số CCCD	030057000854		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân		
Quá trình công tác: - Từ 18/11/2024 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cp Chiếu xạ An Phú			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Phó Tổng Giám Đốc		

Ông: **VÕ THÁI SƠN**			
Ngày tháng năm sinh	23/05/1995	Nơi sinh	Tp. HCM
Dân tộc	Kinh		
Số CCCD	079095030739		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân QTKD & DN		
Quá trình công tác: - Từ 8/2017 – 24/07/2020: Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT Công ty Cp Chiếu xạ An Phú - Từ 24/07/2020 – 04/05/2023: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cp Chiếu xạ An Phú - Từ 04/05/2023 – 28/04/2024: Thành Viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cp Chiếu xạ An Phú - Từ 28/04/2024 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cp Chiếu xạ An Phú			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc		
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân + Số cổ phần đại diện	871.100 cổ phần (tỷ lệ 4.38% VĐL) 871.100 cổ phần (tỷ lệ 4.38% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)		

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà: **NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG**			
Ngày tháng năm sinh	01/01/1979	Nơi sinh	Long An
Dân tộc	Kinh		
Số CCCD	080179014005		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác: - Từ 12/2003 đến 03/2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH Kim Phong Hưng - Từ 05/2007 đến 02/2011: Kế toán trưởng Công ty TNHH TM PTCN Hoa Hướng			

Dương - Từ 03/2011 đến 09/2012: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Trung Tâm Phân Phối Happy Cook - Từ 10/2012 đến 09/2018: Kế toán trưởng Công ty TNHH Truyền Hình Cáp Saigontourist tỉnh Long An - Từ 02/2020 đến 04/2021: Kế toán trưởng Công ty TNHH Truyền Thông 3T - Từ 06/2021 – 10/2022: Kế toán trưởng Công ty CP Chiếu Xạ An Phú - Từ 03/2023 – 03/2025: Kế toán trưởng Công ty CP Chiếu Xạ An Phú	
Chức vụ công tác tại Công ty	Kế toán trưởng

- **Những thay đổi trong ban điều hành**:

  Ngày 18/11/2024 bổ nhiệm Ông Võ Thái Thuận giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc

- **Số lượng cán bộ nhân viên:** Tại ngày 31/12/2024 là 217 người, (tại ngày 31/12/2023 là 227 người).

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư đầu tư lớn:

❖ Dự án xây dựng nhà máy chiếu xạ An Phú- Chi nhánh 02 tại Bắc Ninh:

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh 02 tại Bắc Ninh.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 được UBND Tỉnh Bắc Ninh, ban quản lý các KCN cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án Nhà máy chiếu xạ An Phú.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018 Bộ Khoa học và công nghệ, Cục an toàn bức xạ và hạt nhân cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (Xây dựng cơ sở bức xạ) cho Công ty tại tỉnh Bắc Ninh.

Theo tiến độ thực hiện dự án:

- Từ tháng 10/2018 đến tháng 6/2020: xây dựng văn phòng nhà xưởng
- Tháng 7/2020 đến tháng 12/2020: lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành chạy thử.
- Tháng 1/2021: Chính thức đi vào hoạt động.

Tuy nhiên từ tháng 12/2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp nên ảnh hưởng đến tiến độ của dự án Nhà máy chiếu xạ tại Bắc Ninh.

Dây chuyền máy chiếu xạ đã lắp xong thiết bị, dự kiến chạy thử và đi vào hoạt động ngày 01/04/2021. Đây là dây chuyền hiện đại, tự động hóa cao, nên ngoài chuyên gia đến từ Châu Âu ra, kỹ sư của các nước khác không thể thay thế ở giai đoạn chạy nóng, vận hành chính thức này.

Theo đó, do đại dịch Covid-19, nước Ý ban hành chính sách phong tỏa, Việt Nam cũng dừng miễn cấp thị thực từ ngày 2/3/2020. Chuyên gia công nghệ kỹ thuật cao không thể sang Việt Nam nên dây chuyền bị chậm tiến độ so với tiến độ chung của dự án.

Ngay sau khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát, chuyên gia đã sang để vận hành, đưa dây chuyền chiếu xạ vào hoạt động.

Tháng 5/2021 hạng mục kho lạnh đã hoàn thiện để đưa vào sử dụng. Chính thức nhận hàng lưu kho.

Quý 2/2021 Nhà máy chiếu xạ Bắc Ninh đã được nghiệm thu và đưa vào hoạt động để khai thác thị trường Miền Bắc.

Từ năm 2024, Nhà máy chiếu xạ Bắc Ninh bắt đầu có đóng góp khá tốt vào kết quả kinh doanh trong các năm về sau.

❖ Dự án Trung tâm nghiên cứu và phát triển ứng dụng công nghệ chiếu xạ (APIRA):

Ngày 22/11/2020 được Ban quản lý Khu Công Nghệ Cao Thành Phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư .

Ngày 27/12/2020 chính thức ký Hợp đồng thuê đất với ban Quản Lý Khu Công Nghệ Cao Thành Phố Hồ Chí Minh.

Tháng 03/2021: Thành lập Công Ty CP Chiếu Xạ An Phú - Chi nhánh 03 tại Tại Khu Công Nghệ Cao, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hiện đang triển khai và hoàn thành các thủ tục cần thiết. Thực hiện theo chủ trương của ĐHĐCĐ năm 2018 đã thông qua.

Khoản thanh toán tiền thuê hoạt động bao gồm tổng số tiền thuê đất 29.616,5 m2 đất tại vị trí lần lượt là số 9570-1/GĐ-TNMT đối với Lô E6-6, Đường D9, Khu Công nghệ cao, Phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức và vị trí số 9570-2/GĐ-TNMT đối với Lô E6-7, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức với giá thuê là 21.735 VND/m2/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 49 năm 11 tháng tính từ ngày 26 tháng 12 năm 2019 đến ngày 21 tháng 11 năm 2069

Do ảnh hưởng bởi dịch covid-19 làm trì hoãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư nên việc huy động vốn của Công ty đã điều chỉnh lại theo thời gian thực hiện dự án (từ quý 3 năm 2023 đến quý 4 năm 2027).

❖ Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh:

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT- APIRA ngày 01 tháng 3 năm 2022, Công ty và Bà Võ Thuỳ Dương đã hợp tác đầu tư, xây dựng và mua sắm thiết bị Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14, với diện tích 76,2 m2 , địa chỉ số 157 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Theo Hợp đồng, Bà Võ Thùy Dương góp vốn bằng việc chuyển giao quyền sử dụng đất trong vòng 20 năm cho Công ty, Công ty góp vốn với số tiền là 45.000.000.000 VND để thực hiện xây dựng văn phòng trên đất theo giấy phép xây dựng đã được cấp cho Công ty, thời gian hợp tác là 20 năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 3 năm 2022 đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2042, sau thời gian trên Công ty sẽ chuyển giao tài sản (Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho Bà Võ Thùy Dương). Ngoài ra Công ty sẽ trả thêm chi phí hỗ trợ từ năm thứ 09 với số tiền là 30.000.000 VND/tháng vào ngày cuối cùng mỗi tháng.

b. ***Các công ty con, công ty liên kết:*** Không có.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng (giảm)
Tổng giá trị tài sản	890.474.467.592	814.192.568.056	(8,57%)
Doanh thu thuần	117.910.322.495	131.101.428.097	11,19%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(34.850.095.081)	(20.560.066.182)	41,00%
Lợi nhuận khác	(93.641.096)	200.738.806	314,37%
Lợi nhuận trước thuế	(34.943.736.177)	(20.359.327.376)	41,74%
Lợi nhuận sau thuế	(35.609.056.361)	(20.859.878.771)	41,42%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1.13	0.66	
Hệ số thanh toán nhanh:			
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1.12	0.64	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.34	0.30	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.51	0.43	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.13	0.16	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0.3)	(0.16)	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0.18)	(0.10)	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0.04)	(0.03)	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0.3)	(0.16)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số lượng cổ phần: 20.121.395 cổ phần, *trong đó:*

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 19.905.025 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 216.370 cổ phần.
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 20.121.395 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b. ***Cơ cấu cổ đông:*** Theo danh sách chốt gần nhất

- **Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí sở hữu:**

STT	Danh mục	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Cổ đông sở hữu từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết trở lên	15.383.294	77.28%
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	2.091.840	10.51%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	2.429.891	12.21%
Tổng cộng		**19.905.025**	**100.00%**

- **Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn trong nước:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Võ Thùy Dương	22B/9 Lam Sơn, Phường 2, Q. Tân Bình, Tp.HCM		8.052.920	40.46%
2	Công Ty TNHH Thái Sơn	Lô 2.10B, KCN Trà Nóc 2, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, Tp. Cần Thơ	Chiếu xạ	4.459.654	22.40%
Tổng Cộng				**12.512.574**	**62.86%**

- **Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài:**

STT	Danh mục	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Cổ đông sở hữu từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết trở lên	2.870.720	14,42%
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	-	0%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	123.630	0.62%
	Tổng cộng	**2.994.350**	**15.04%**

- **Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn nước ngoài:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	TORUS CAPITAL INVESTMENTS PTE. LTD.	96 ROBINSON ROAD # 11-04 SIF BUILDING SINGAPORE (068899)	-	2.870.720	14.42%
	Tổng Cộng			**2.870.720**	**14.42%**

- **Thông tin chi tiết về từng cổ đông Nhà nước:** Không có
- **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa:** 49%.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Để đáp ứng cho sự tăng trưởng và phát triển, Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú đã thực hiện các đợt tăng vốn. Cụ thể như sau:

Đvt: 1.000 đồng

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Đơn vị cấp
Thành lập			50.000.000		Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp;
Lần 1	10/01/2007	10.000.000	60.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp
Lần 2	07/05/2007-10/07/2007	12.000.000	72.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp
Lần 3	Tháng 12/2007	14.400.000	86.400.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp
Lần 4	Tháng 6/2010(*)	28.080.000	114.480.000	Phát hành chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN
Lần 5	Năm 2014	5.724.000	120.204.000	Phát hành cho cán bộ công nhân viên, HĐQT và BKS	UBCKNN
Lần 6	Năm 2019	81.009.950	201.213.950	Phát hành chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 216.370 cổ phần

Giao dịch trong năm: Không có

e. *Các chứng khoán khác:* Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Do đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty là sử dụng thiết bị chiếu xạ và nguồn bức xạ cho việc chiếu xạ các sản phẩm trái cây, thủy hải sản, thực phẩm...Vì vậy hoạt động của Công ty phải chịu sự giám sát của các cơ quan chức năng như Bộ khoa học và công nghệ, Cục kiểm soát và An toàn bức xạ, hạt nhân. Khi tiến hành sản xuất kinh doanh, Công ty phải xin giấy phép cho việc sử dụng thiết bị chiếu xạ và nguồn xạ. Giấy phép này có thời hạn sử dụng trong vòng năm 05 năm, do Bộ Khoa học Công nghệ cấp. Từ khi thành lập năm 2003 cho đến nay, Công ty luôn sử dụng thiết bị và nguồn xạ đúng với mục đích hoạt động kinh doanh của mình, tuân thủ chặt chẽ, nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước về việc sử dụng thiết bị chiếu xạ và nguồn bức xạ, không để xảy ra các trường hợp gây hại đến môi trường. Ngoài ra, Công ty luôn nhận được sự giúp đỡ, hướng dẫn của các cơ quan có chức năng quản lý.

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: 99% rác thải nhựa, pallet gỗ được thu gom, phân loại, tái chế và xử lý bởi đơn vị có chức năng xử lý.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Nhà máy	Tổng lượng điện sử dụng trong năm 2024 (Kwh)	Nguồn cung cấp điện
Bình Dương	2.439.260	Công Ty điện Lực Bình Dương - Điện Lực Thuận An
CN Vĩnh Long	1.543.447	Tổng công ty điện lực Miền Nam
CN Máy Bắc Ninh	3.070.003	Công ty Điện Lực Bắc Ninh – Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Sử dụng hệ thống điều hòa công nghệ inverter tiết kiệm năng lượng điện.
- Theo dõi đồng hồ đo đếm điệm tại từng nhà máy hàng ngày để kiểm soát lượng điện năng tiêu thụ và ngăn chặn các rủi ro bất thường về điện có thể xảy ra.
- Thay các loại bóng đèn tiết kiệm điện ở các khu vực nhà máy, tòa nhà văn phòng và các khu hành lang,.....
- Bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống cơ điện để các thiết bị hoạt động tốt nhất, nhằm làm giảm chi phí điện năng và kéo dài tuổi thọ của máy móc thiết bị.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.4. Tiêu thụ nước:

Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2024

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng tại các nhà máy của Công ty như sau:

Nhà máy	Tổng lượng nước sử dụng trong năm 2024 (m3)	Nguồn cung cấp nước
Bình Dương	156	Công ty cổ phần nước - môi trường Bình Dương
CN Vĩnh Long	4.832	Công ty TNHH cấp nước Bình Minh
CN Bắc Ninh	12.724	Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động: Tại ngày 31/12/2024 là 217 người.
- Mức lương bình quân: Thu nhập bình quân mỗi nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2024 khoảng 10.000.000 đồng/tháng/người. Đây là mức thu nhập tương đối phù hợp so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành. Điều này cho thấy chính sách đãi ngộ đối với người lao động và hiệu quả sử dụng lao động của Công ty tốt.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty cổ phần Chiếu xạ An Phú luôn quan tâm đến chính sách đối với người lao động. Số giờ làm việc trong tuần là 48 tiếng/tuần. Một ngày 3 ca, số giờ mỗi ca 8 tiếng. Môi trường làm việc trong nhà máy tuân thủ theo các quy định tiêu chuẩn ngành.

Bảo hộ lao động: Người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động, đối với công nhân làm việc trong kho lạnh còn được trang bị đồ bảo hộ chống lạnh theo đúng quy định. Bên cạnh đó, các quy định về phòng cháy chữa cháy được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt

Chế độ khám sức khoẻ cho người lao động: Trong năm, Công ty thực hiện ký hợp đồng đo liều bức xạ cho công nhân lao động trực tiếp. Công ty cũng đã ký hợp đồng với Trung tâm lao động – Sức khoẻ - Môi trường – Sở y tế tỉnh Bình Dương đến khám sức khoẻ cho định kỳ cho người lao động.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Chính sách lương: Lương của công nhân trực tiếp sản xuất bao gồm tiền lương căn bản và lương dựa trên năng suất và hiệu quả lao động, ngoài ra công nhân còn được nhận các khoản phụ cấp khác tùy theo tính chất công việc. Đối với lao động ngoài giờ

thì Công ty sẽ trả lương ngoài giờ cho người lao động. Làm thêm giờ ngày làm việc bình thường tính lương hệ số 150%, làm thêm giờ ngày nghỉ trong tuần hệ số 200%, làm thêm giờ ngày lễ hệ số 300%. Chính sách tăng lương sẽ được thực hiện theo quy chế của Công ty.

Chính sách khen thưởng: Công ty áp dụng chế độ khen thưởng đối với nhân viên khi có sáng kiến, giải pháp hữu ích mang lại hiệu quả thiết thực, hoặc khi người lao động hoàn thành công việc với tinh thần trách nhiệm cao, vượt năng suất.

Chế độ phúc lợi: Công ty luôn đóng đầy đủ Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội cho người lao động theo đúng chế độ của Luật Lao động. Bên cạnh đó Công ty còn có các chế độ phụ cấp khác nhau dành cho người lao động: Phụ cấp ăn giữa ca: 30.000 đồng/suất, phụ cấp nhà ở, xăng xe đi lại tùy theo đối tượng công việc.

Ngoài ra, Công ty đã tổ các hoạt động thể dục, thể thao giao lưu với các đơn vị bạn nhằm xây dựng phong trào vui khoẻ, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, làm tác động tốt đến năng suất lao động tại Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động tham quan du lịch hằng năm cũng được duy trì theo tiền lệ. Công ty dùng nguồn quỹ phúc lợi tổ chức cho tất cả CBCNV tham quan du lịch trong và ngoài nước tạo điều kiện tái tạo sức khoẻ cho người lao động tại Công ty.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

- **Chính sách tuyển dụng và đào tạo cho người lao động**

Tuyển dụng: Công ty luôn quan tâm đến công tác tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng về chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề nhằm đảm bảo cho sự phát triển của Công ty. Tùy theo yêu cầu công việc của từng phòng ban, bộ phận mà Công ty xây dựng các tiêu chí tuyển dụng cụ thể đáp ứng yêu cầu chung là trình độ chuyên môn, tay nghề cao, nhiệt tình và năng động.

Công tác đào tạo: Định kỳ 2 năm/lần Công ty mở lớp tập huấn An Toàn Bức Xạ do giảng viên của Cục An toàn bức xạ đào tạo. Bên cạnh đó, Công ty còn cấp kinh phí cho cán bộ quản lý tham gia các lớp học quản lý ngắn hạn. Đối với công nhân kỹ thuật Công ty có chính sách hỗ trợ về kinh phí và thời gian để công nhân có thể vừa học vừa làm.

Trong năm Công ty cũng đã thực hiện kế hoạch nâng cao trình độ chuyên môn quản lý cho những cán bộ chủ chốt tại trung tâm đào tạo nguồn nhân lực cao cấp PACE, kế hoạch này đem lại nhiều hiệu quả tích cực trong công tác nghiệp vụ, và có tác động khá tốt động sức phấn đấu, vươn lên của đội ngũ quản trị Công ty Chiếu xạ An Phú.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Công ty đã xây dựng kế hoạch năm 2024 dựa trên cơ sở kết quả kinh doanh của năm 2023 và kết hợp với tình hình thực tế tại thời điểm 2024. Kết quả thực hiện so với kế hoạch được thể hiện theo bảng dưới đây:

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ % thực hiện/ kế hoạch
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	148.044.107.996	131.101.428.097	88,56%
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(16.301.000.000)	(20.359.327.376)	(124,9%)

Theo đó, năm 2024 công ty đã ghi nhận doanh thu là 131.101.428.097 đồng, thực hiện được 88.56% so với kế hoạch đặt ra và ghi nhận mức lỗ 20.359.327.376 đồng. Trong đó nguyên nhân cơ bản chủ yếu đến từ chi phí lãi vay chiếm đến 19.937.338.082 đồng và doanh thu hoạt động tài chính giảm 3.525.778.553 đồng, kéo theo lợi nhuận trong năm 2024 không đạt như kế hoạch đặt ra. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh đã có nhiều điểm sáng tích cực khi doanh thu bắt đầu tăng trưởng trở lại hơn 11%, biên lợi nhuận gộp tăng nhẹ và chi phí lãi vay đã giảm đáng kể 37.38% so với cùng kỳ năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình kinh tế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ảnh hưởng về tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy những biến động lớn của kinh tế trong nước và thế giới đã ảnh hưởng rất lớn đến Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc không thể ước tính được một cách hợp lý những tác động này đến Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu, tài sản ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh):

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm (%)
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	6.478.702.371	7.689.043.385	18,68%
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	90.472.931.784	59.495.603.256	(34,24%)
3. Hàng tồn kho	668.589.590	2.834.749.710	323,99%
4. Tài sản ngắn hạn khác	8.626.056.034	7.215.466.459	(16,35%)
5. Các khoản phải thu dài hạn	10.348.350.000	10.348.350.000	0,00%
6. Tài sản cố định	645.017.505.369	616.478.987.536	(4,42%)
7. Tài sản dở dang dài hạn	78.000.000	78.000.000	0,00%
8. Tài sản dài hạn khác	106.132.752.692	99.410.493.154	(6,33%)

Tại ngày 31/12/2024, chỉ tiêu tiền và tương đương tiền tăng 1.210.341.014 đồng, tương ứng tăng 16,68%. Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 30.977.328.528 đồng, tương ứng giảm 34.24% so với cùng kỳ, trong khi đó thì các khoản phải thu dài hạn không đổi. Tài sản ngắn hạn giảm 16,35%. Trong năm, công ty có mua sắm thêm tài sản cố định và kết chuyển tài sản cố định làm tăng nguyên giá tài sản cố định nhưng khoản mục tài sản cố định cuối kỳ vẫn giảm 28.538.517.833 đồng, tương ứng mức giảm 4.42% so với cùng kỳ năm 2023, chủ yếu là do trích khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình trong năm đến 56.474.242.033 đồng. Tài sản dở dang dài hạn không đổi.

b. Tình hình nợ phải trả:

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
1. Nợ ngắn hạn	114.056.438.107	132.406.227.342	16,09%
2. Nợ dài hạn	185.777.108.882	112.005.298.882	(39,71%)
3. Vốn chủ sở hữu	590.640.920.603	569.781.041.832	(3,53%)
Tổng nguồn vốn	**890.474.467.592**	**814.192.568.056**	**(8,57%)**

Tổng nguồn vốn giảm 76.281.899.536 đồng, tương ứng giảm 8.57% so với cùng kỳ. Trong đó chỉ tiêu nợ ngắn hạn tăng 18.349.789.235 đồng, tương ứng tăng 16,09%. Nợ dài hạn giảm 73.771.810.000 đồng, tương ứng giảm 39.71%, nguyên nhân chủ yếu là do trong năm công ty đã kết chuyển từ vay và nợ dài hạn sang ngắn hạn với số tiền 74.400.000.000 đồng.

Trong năm 2024, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi bổ sung số tiền 505.914.852 đồng, công ty cũng đã xử lý xóa các khoản nợ phải thu không thu hồi được với tổng số tiền 3.650.172.439 đồng. Công ty có ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá tuy nhiên mức độ ảnh hưởng không đáng kể.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Các biện pháp kiểm soát: Thiết lập được các quy trình tiêu chuẩn trong quản lý, áp dụng qua thực tiễn thu hoạch được nhiều kết quả khả quan: Không thất thoát doanh thu, giảm chi phí kinh doanh, số liệu chính xác minh bạch và kịp thời.

Mặc dù năm 2024 là một năm đầy khó khăn do ảnh hưởng tình hình dịch Covid19 trong các năm trước và nhiều biến động bất ngờ từ thị trường tài chính trong nước và trên thế giới, nhưng nhờ sự lãnh đạo của Ban điều hành cũng như định hướng tốt của HĐQT, Công ty đã cố gắng kiểm soát các hoạt động bằng các biện pháp cụ thể như sau:

- Luôn tập trung chăm sóc khách hàng tốt nhất nên gia tăng được số lượng khách hàng mới, duy trì được các khách hàng cũ.
- Tìm mọi cách cải tiến kỹ thuật nâng cao công suất chiếu xạ của nhà máy, đáp ứng mọi yêu cầu kỹ thuật từ phía khách hàng, và làm thỏa mãn được mong muốn của họ.
- Quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tối đa hóa lợi nhuận.
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình kiểm soát nội bộ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:
  - Doanh thu bán hàng và dịch vụ: 152.078.000.000 đồng
  - Lợi nhuận trước thuế: 1.194.100.000 đồng

- Định hướng phát triển ứng dụng công nghệ chiếu xạ vào thực tiễn:
  - Tập trung nghiên cứu và phát triển ứng dụng chiếu xạ mục đích bảo quản các mặt hàng nông sản, thủy sản.
  - Tìm kiếm và phát triển ứng dụng chiếu xạ trong lĩnh vực dụng cụ y tế.
  - Nghiên cứu ứng dụng công nghệ chiếu xạ để kết hợp sản xuất các sản phẩm từ phụ phẩm nông nghiệp.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

Không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Công ty luôn bám sát vào lĩnh vực ngành nghề kinh doanh phù hợp với giai đoạn phát triển của Công ty. Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT theo chiến lược phát triển mà ĐHĐCĐ đề ra.

Luôn duy trì tình hình tài chính công khai, minh bạch, chính xác và đúng theo các quy định của pháp luật. Quản trị tốt dòng tiền để vượt qua các giai đoạn khó khăn của nền kinh tế.

Thường xuyên kiểm soát chặt chẽ chất lượng cung cấp dịch vụ, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, chính sách trả lương, thưởng nhân viên.

Nâng cao trách nhiệm cá nhân, phát huy sự năng động sáng tạo, chấp hành tốt nội quy, quy chế của Công ty. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước và người lao động trong Công ty.

Giữ vững được các khách hàng truyền thống, phát triển khách hàng mới, do đó tạo được nguồn việc làm ổn định cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền cho Tổng giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc thông qua hệ thống các báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp Hội đồng quản trị. Kết thúc năm 2024, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

HĐQT nỗ lực hết sức mình trong việc định hướng chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty, tăng cường công tác quản trị, hỗ trợ kịp thời hoạt động kinh doanh của Ban điều hành để mọi hoạt động của Công ty tiếp tục hoàn thiện với mục tiêu phát triển bền vững.

Tìm kiếm cơ hội đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh trong các lĩnh vực Công ty có thế mạnh, kết hợp với việc nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho khách hàng.

Tối đa hóa lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc đảm bảo thu nhập và chăm sóc quyền lợi chính đáng cho người lao động. Không ngừng tìm tòi các giải pháp để nâng cao giá trị cổ phiếu và uy tín của Công ty trên thị trường chứng khoán.

Xây dựng Công ty hướng tới sự phát triển bền vững, thực hiện đúng Pháp luật, hài hoà lợi ích của các Nhà đầu tư và người lao động.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu	Thành viên độc lập	Thành viên không điều hành	Thành viên khác	Số lượng chức danh TV HĐQT ở cty khác
1	Ông Huỳnh Ngọc Hậu	Chủ tịch	0%				0
2	Bà Võ Thuỳ Dương	Ủy viên	40,46%				1
3	Bà Lê Thị Mỹ Duyên	Ủy viên	2.75%				
4	Bà Huỳnh Thị Bích Loan	Ủy viên	0%	X	X		0
5	Bà Trần Ngọc Trâm	Ủy viên	0%	X	X		0

Chi tiết như sau:

Ông: HUỲNH NGỌC HẬU			
Ngày tháng năm sinh	18/11/1981	Nơi sinh	Bình Thuận
Dân tộc	Kinh		
Quê quán	Quảng Ngãi	Quốc tịch	Việt Nam
Số CCCD	060081000146		
Địa chỉ thường trú	C5-01, KDC An Thới, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ		
Điện thoại cơ quan	0274.3712292	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí		
Quá trình công tác: - Từ 7/2005 đến 8/2008: Công ty CP Chiếu xạ An Phú - Từ 9/2008 đến nay: Công ty TNHH Thái Sơn - 11/2014 đến 05/2023: Thành Viên HĐQT Công ty CP chiếu xạ An Phú. - 05/2023 đến nay: Chủ Tịch HĐQT Công ty CP chiếu xạ An Phú.			

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Chủ Tịch HĐQT
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)
+ Số cổ phần đại diện	0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)

Bà: **VÕ THÙY DƯƠNG**			
Ngày tháng năm sinh	02/06/1991	Nơi sinh	Tp. HCM
Dân tộc	Kinh		
Quê quán	TpHCM	Quốc tịch	Việt Nam
Số CCCD	079191024005		
Địa chỉ thường trú	118/75 Bạch Đằng, P.24, Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân QTKD & DN		
Quá trình công tác: -Từ Tháng 12/2014 – 31/01/2015: Làm việc tại Công ty cổ phần Chiếu Xạ An Phú với cương vị Phó Tổng Giám Đốc công ty. - Từ 1/2/2015 – 5/2/2015: Tổng Giám đốc Công ty CP Chiếu xạ An Phú - Từ 6/2/2015- 24/07/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cp Chiếu xạ An Phú - Từ 24/07/2020 - Nay: Thành Viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cp Chiếu xạ An Phú			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành Viên HĐQT kiêm TGĐ		
Số cổ phần nắm giữ	8.052.920 cổ phần (tỷ lệ 40.46% VĐL)		
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	8.052.920 cổ phần (tỷ lệ 40.46% VĐL)		
+ Số cổ phần đại diện	0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)		

Bà : **LÊ THỊ MỸ DUYÊN**			
Ngày tháng năm sinh	04/03/1998	Nơi sinh	Tp. HCM
Dân tộc	Kinh		
Quê quán	Tp. HCM	Quốc tịch	Việt Nam
Số CCCD	079198017116		
Địa chỉ thường trú	80/58/6/25 đường số 12, P.Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP.HCM		
Quá trình công tác: - Từ 07/2020. – 28/04/2024: Trợ lý Giám Đốc Công ty Cp Chiếu xạ An Phú Chi nhánh 02			

- Từ 28/04/2024 - Nay: Thành Viên HĐQT Công ty Cp Chiếu xạ An Phú	
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành Viên HĐQT
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân + Số cổ phần đại diện	548.340 cổ phần (tỷ lệ 2.75% VĐL) 548.340 cổ phần (tỷ lệ 2.75% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)

Bà: HUỲNH THỊ BÍCH LOAN			
Ngày tháng năm sinh	25/06/1976	Nơi sinh	Cần Thơ
Dân tộc	Kinh		
Quê quán	Cần Thơ	Quốc tịch	Việt Nam
Số CCCD	092176006605		
Địa chỉ thường trú	374/5KV11, P. Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn, Tp. Cần Thơ		
Điện thoại cơ quan	0274.3712292	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác: - Từ 2002-2006: Kế toán tổng hợp, Công ty LD TNHH Hóa Dầu VTN-P - Từ 2007-2008: Công ty Tư Vấn Tài Chính và Kiểm Toán AFC - Từ 2008-nay: Công Ty TNHH Thái Sơn - Từ 11/2014 đến 05/2023: Thành Viên HĐQT Công ty CP Chiếu xạ An Phú. - Từ 05/2023 đến nay: Thành Viên HĐQT, Chủ Tịch Ủy Ban Kiểm Toán Công ty CP Chiếu xạ An Phú.			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT, Chủ Tịch Ủy Ban Kiểm Toán Công ty CP Chiếu xạ An Phú		
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân + Số cổ phần đại diện	0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)		

Bà: TRẦN NGỌC TRÂM			
Ngày tháng năm sinh	14/05/1965	Nơi sinh	Đồng Tháp
Dân tộc	Kinh		
Quê quán	Đồng Tháp	Quốc tịch	Việt Nam

Số CCCD	087165014206		
Địa chỉ thường trú	439 Phạm Thế Hiển, Phường 3, Quận 8, TpHCM		
Điện thoại cơ quan	0274.3712292	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân		
Quá trình công tác: - Từ 10/2009 đến 01/2023: Trợ lý giám đốc, Công ty TNHH Thái Sơn - Từ 04/2024 đến nay: Thành Viên HĐQT Công ty CP Chiếu xạ An Phú			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty		Thành viên HĐQT Độc lập Công ty CP Chiếu xạ An Phú	
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân + Số cổ phần đại diện		0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL)	

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tiểu ban Nhân Sự - Tiền Lương
- Tiểu ban Kiểm toán

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị: Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty tiến hành họp 05 lần để thông qua các vấn đề quan trọng của công ty. Số lượng tham gia cuộc họp và ban hành các Nghị quyết như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Ông Huỳnh Ngọc Hậu	Chủ Tịch	05	100%	
2	Bà Võ Thuỳ Dương	Thành viên	05	100%	
3	Bà Lê Thị Mỹ Duyên	Thành viên	05	100%	
4	Bà Huỳnh Thị Bích Loan	Thành viên	05	100%	
5	Bà Trần Ngọc Trâm	Thành viên	04	80%	

❖ *Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:*

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/ NQ-HĐQT-API	21/02/2024	- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
2	02/NQ-HĐQT-API	27/05/2024	- Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024
3	03/NQ-HĐQT-API	06/06/2024	- Thông qua phương án cơ cấu lại thời hạn trả nợ vay
4	04/NQ-HĐQT-API	17/09/2024	- Thông qua kết quả SXKD 8 tháng đầu năm 2024 và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 4 tháng cuối năm 2024
5	05/NQ-HĐQT-API	18/11/2024	- Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc Và Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty

d. **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:** Không có

e. **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2024, Tiểu ban Nhân Sự - Tiền Lương thuộc HĐQT đã họp bàn, trình HĐQT phê duyệt chính sách tiền lương, tiền thưởng đối với Công ty.

Tiểu ban Kiểm Toán thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT đồng thời thực hiện giám sát hoạt động của ban điều hành thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và Tổng giám đốc. Hoạt động giám sát của Tiểu ban Kiểm Toán được triển khai đa dạng qua các kênh báo cáo và tiếp xúc với Kế toán trưởng, Bộ phận Kiểm toán nội bộ cũng như Kiểm toán độc lập. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Tiểu ban Kiểm Toán luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành và các cán bộ quản lý liên quan và luôn nhận được sự hợp tác từ phía Ban điều hành.

f. **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty	Có tham gia chương trình quản trị Công ty
1	Ông Huỳnh Ngọc Hậu	Chủ tịch		
2	Bà Võ Thùy Dương	Thành viên		X
3	Bà Lê Thị Mỹ Duyên	Thành viên		
4	Bà Huỳnh Thị Bích Loan	Thành viên		
5	Bà Trần Ngọc Trâm	Thành viên		

2. Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán:

a. Thành viên và cơ cấu của Ủy ban kiểm toán: Ủy ban kiểm toán bao gồm có 1 thành viên

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Huỳnh Thị Bích Loan	Chủ tịch Ủy Ban Kiểm Toán	01/04/2021	Cử nhân kinh tế

b. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán:

Các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán:

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Huỳnh Thị Bích Loan	2	1	1	

Đánh giá hoạt động của Ủy ban kiểm toán

- Ủy ban kiểm toán theo dõi hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT.
- Giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua viêc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và TGĐ.
- Trao đổi trực tiếp với các Giám đốc điều hành để nắm được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty
- Giám sát thông qua báo cáo và trao đổi trực tiếp với Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ủy ban Kiểm toán thường xuyên phối hợp với các thành viên HĐQT, thành viên BĐH và cán bộ quản lý khác để thực hiện chức năng giám sát của mình.
- Ban điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp kịp thời các yêu cầu về thông tin phục vụ yêu cầu giám sát của Ủy ban Kiểm toán.
- Ủy ban Kiểm toán báo cáo định kỳ kết quả giám sát lên HĐQT.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích nhận được trong năm 2024:

Đơn vị tính: VND

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù Lao	Thưởng	Lợi ích khác	Tổng cộng
I	**Hội đồng quản trị**						
1	Ông Huỳnh Ngọc Hậu	Chủ tịch HĐQT		192.000.000	14.400.000		206.400.000
2	Bà Võ Thùy Dương	Ủy viên		168.000.000	12.600.000		180.600.000
3	Bà Lê Thị Mỹ Duyên	Ủy viên		136.888.889	8.400.000		145.288.889
4	Bà Huỳnh Thị Bích Loan	Ủy viên		168.000.000	12.600.000		180.600.000
5	Bà Phạm Thị Lượng	Ủy viên		24.888.889	12.600.000		37.488.889
6	Bà Trần Ngọc Trâm	Ủy Viên		112.000.000			112.000.000
7	Ông Nguyễn Ngọc Hoàng	Phụ trách quản trị công ty		144.000.000	10.800.000		154.800.000
II	**Ban Giám Đốc**						
1	Bà Võ Thùy Dương	TGĐ	868.140.000		107.727.559		975.867.559
2	Ông Võ Thái Sơn	P.TGĐ	755.231.111		69.000.393		824.231.504
3	Ông Võ Thái Thuận	P.TGĐ	535.670.000		45.000.000		580.670.000
4	Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	KTT	312.847.037		25.000.000		337.847.037

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không phát sinh

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc Công ty luôn thực hiện theo đúng các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan khác.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công Ty Cổ Phần Chiếu Xạ An Phú đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn A&C. Theo đó ý kiến của đơn vị kiểm toán như sau:

"Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Chiếu xạ An Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp".

2. Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán:

Đính kèm theo báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

Toàn văn báo cáo tài chính năm 2024 đã được đăng tải toàn bộ trên website: www.apic.com.vn

CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 3700480244 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ
TP. THUẬN AN - T. BÌNH DƯƠNG

HUỲNH NGỌC HẬU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4.	Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7.	Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 34
8.	Phụ lục	35

****

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700480244, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp;
- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 73/CN-UB ngày 30 tháng 6 năm 2003 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 6803760767, chứng nhận lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2009 và chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 16 tháng 12 năm 2016 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Vĩnh Long cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 2530281101, chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2018 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Bắc Ninh cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 7538722580, chứng nhận lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2019 và chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 08 tháng 12 năm 2021 do Ban quản lý Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 3700480244-004, chứng nhận lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 22 tháng 01 năm 2010, Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APC. Ngày 02 tháng 5 năm 2024, Cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, Cổ phiếu của Công ty được niêm yết lại tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là APC.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (0274) 371 3116
- Fax : (0274) 371 4036

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú – Chi nhánh 01	Lô C1 và C2 Khu Công nghiệp Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long
Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú – Chi nhánh 02	Số 29, đường 9, Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh
Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú - Chi nhánh 03	Lô E6 - 6, lô E6 - 7 đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú – Văn phòng đại diện tại Hồ Chí Minh	157 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:
- Chiếu xạ khử trùng các loại thủy sản, các dụng cụ y tế; chiếu xạ, bảo quản các sản phẩm công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác;
- Dịch vụ bảo quản rau quả đông lạnh; Dịch vụ bảo quản các loại thực phẩm đông lạnh;
- Bán buôn thủy hải sản, các sản phẩm từ thịt, hàng nông sản các loại;
- Sản xuất hoá chất cơ bản (không sản xuất tại địa chỉ trụ sở, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch);
- Bán buôn hóa chất khác (trừ hóa chất Bảng 1 theo Công ước Quốc tế);
- Nghiên cứu và phát triển công nghệ chiếu xạ ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ vật liệu mới; công nghệ nano, lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiễm/tái bổ nhiệm
Ông Huỳnh Ngọc Hậu	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Bà Võ Thùy Dương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Bà Huỳnh Thị Bích Loan	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Bà Lê Thị Mỹ Duyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Ngọc Hoàng	Phụ trách quản trị	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2020
Bà Phạm Thị Lượng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Bà Trần Ngọc Trâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024

Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
Bà Huỳnh Thị Bích Loan	Chủ tịch ủy ban	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022
Bà Phạm Thị Lượng	Thành viên ủy ban	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Võ Thùy Dương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2015
Ông Võ Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2017
Ông Võ Thái Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2024

Đại diện theo pháp luật
Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Võ Thuỳ Dương – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2015).

Kiểm toán viên
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Võ Thúy Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2025

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn

bakertilly A & C
www.a-c.com.vn

Số: 1.0618/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Hoàng Thái Vượng	**Võ Thành Công**
Thành viên Ban Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1	*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1033-2023-008-1*
Người được ủy quyền	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**87.876.737.366**	**128.897.859.531**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**7.689.043.385**	**6.478.702.371**
1. Tiền	111	V.1	7.689.043.385	6.478.702.371
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**10.641.874.556**	**22.651.579.752**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	10.641.874.556	22.651.579.752
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**59.495.603.256**	**90.472.931.784**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	19.724.899.908	26.750.165.586
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	46.843.774.924	73.759.523.501
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	275.555.142	456.127.002
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(7.348.626.718)	(10.492.884.305)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**2.834.749.710**	**668.589.590**
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2.834.749.710	668.589.590
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**7.215.466.459**	**8.626.056.034**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	995.973.234	528.873.183
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.704.985.778	5.582.675.404
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	2.514.507.447	2.514.507.447
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**726.315.830.690**	**761.576.608.061**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**10.348.350.000**	**10.348.350.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	10.348.350.000	10.348.350.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**616.478.987.536**	**645.017.505.369**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	594.797.826.783	621.387.863.528
- *Nguyên giá*	*222*		*930.886.436.803*	*902.950.712.603*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(336.088.610.020)*	*(281.562.849.075)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- *Nguyên giá*	*225*		-	-
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	21.681.160.753	23.629.641.841
- *Nguyên giá*	*228*		*40.565.943.633*	*40.565.943.633*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(18.884.782.880)*	*(16.936.301.792)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**78.000.000**	**78.000.000**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	78.000.000	78.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**99.410.493.154**	**106.132.752.692**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8a	99.410.493.154	106.132.752.692
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**814.192.568.056**	**890.474.467.592**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**244.411.526.224**	**299.833.546.989**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**132.406.227.342**	**114.056.438.107**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	11.659.698.120	7.930.314.487
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		630.819.097	142.685.042
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	307.816.204	456.603.944
4. Phải trả người lao động	314	V.15	1.805.652.662	1.998.772.047
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.717.718.614	2.124.613.889
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	5.400.000
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1.724.929.965	1.741.037.715
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	100.400.000.000	86.443.018.303
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	13.159.592.680	13.213.992.680
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**112.005.298.882**	**185.777.108.882**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		628.190.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	111.377.108.882	185.777.108.882
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**569.781.041.832**	**590.640.920.603**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**569.781.041.832**	**590.640.920.603**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	201.213.950.000	201.213.950.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*201.213.950.000*	*201.213.950.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	121.440.570.454	121.440.570.454
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.20	(2.163.700.000)	(2.163.700.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	9.269.234.725	9.269.234.725
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	240.020.986.653	260.880.865.424
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*260.880.865.424*	*260.880.865.424*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*(20.859.878.771)*	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**814.192.568.056**	**890.474.467.592**

Bình Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Phan Thị Lợi	Trần Thị Hồng Mai	Võ Thùy Dương
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	131.101.428.097	117.910.322.495
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		131.101.428.097	117.910.322.495
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	99.358.484.124	92.509.685.062
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.742.943.973	25.400.637.433
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.068.838.071	4.594.616.624
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	20.308.359.399	32.044.190.850
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.937.338.082	31.840.194.487
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.790.338.903	4.832.639.449
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	28.273.149.924	27.968.518.839
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(20.560.066.182)	(34.850.095.081)
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	552.688.115	171.506.771
12.	Chi phí khác	32	VI.8	351.949.309	265.147.867
13.	Lợi nhuận khác	40		200.738.806	(93.641.096)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(20.359.327.376)	(34.943.736.177)
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	500.551.395	665.320.184
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(20.859.878.771)	(35.609.056.361)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(1.048)	(1.789)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(1.048)	(1.789)

Bình Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Phan Thị Lợi	Trần Thị Hồng Mai	Võ Thủy Dương
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*		*(20.359.327.376)*	*(34.943.736.177)*
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10	56.474.242.033	49.099.614.840
- Các khoản dự phòng	03	V.6	505.914.852	617.576.610
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	214.678.801	203.996.363
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.057.476.138)	(4.581.235.272)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	19.937.338.082	31.840.194.487
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*		*55.715.370.254*	*42.236.410.851*
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.671.099.849	11.573.867.304
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.166.160.120)	(106.322.892)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		731.593.552	1.005.094.029
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.255.159.487	(34.750.200.947)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16; VI.4	(19.318.662.759)	(31.965.508.516)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(500.551.395)	(665.320.184)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(54.400.000)	(45.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		*52.333.448.868*	*(12.717.280.355)*
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9 V.11; VII	(3.950.610.599)	(22.264.852.788)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(1.287.474.407)	(20.108.363.094)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	13.297.179.603	101.419.355.037
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.3	1.234.207.407	4.776.722.902
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		*9.293.302.004*	*63.822.862.057*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a	53.004.508.630	83.837.132.490
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(113.447.526.933)	(132.994.114.187)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(60.443.018.303)***	***(49.156.981.697)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**1.183.732.569**	**1.948.600.005**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**6.478.702.371**	**4.528.433.207**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		26.608.445	1.669.159
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**7.689.043.385**	**6.478.702.371**

Bình Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Phan Thị Lợi	Trần Thị Hồng Mai	Võ Thùy Dương
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chiếu xạ khử trùng các loại thủy sản, các dụng cụ y tế; chiếu xạ, bảo quản các sản phẩm công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; Dịch vụ bảo quản rau quả đông lạnh; Dịch vụ bảo quản các loại thực phẩm đông lạnh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú – Chi nhánh 01	Lô C1 và C2 Khu công nghiệp Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long
Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú – Chi nhánh 02	Số 29, đường 9, Khu Công Nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh
Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú – Chi nhánh 03	Lô E6 - 6, lô E6 - 7 đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú – Văn phòng đại diện tại Hồ Chí Minh	157 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 217 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 227 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Công ty là công cụ, dụng cụ và hàng hoá. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và chi phí nguồn xạ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (40 năm).

Chi phí nguồn xạ

Chi phí nguồn xạ thể hiện tổng số tiền đã chi để mua nguồn xạ. Chi phí nguồn xạ được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo chu kỳ bán rã của đồng vị phóng xạ Coban 60, công thức tính cụ thể như sau: N(T)=No x (e^(ln(2)/(5,272 x T))). Chu kì bán rã của đồng vị phóng xạ Coban 60 là 5,2716 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 35
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Công ty đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất (20 - 47 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi
Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành
Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại
Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	251.294.124	203.430.186
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.437.749.261	6.275.272.185
Cộng	**7.689.043.385**	**6.478.702.371**

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng		
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	12.651.579.752
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Quận 11	10.641.874.556	10.000.000.000
Cộng	**10.641.874.556**	**22.651.579.752**

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	***412.020.000***	-
Công ty TNHH Thái Sơn	412.020.000	-
Phải thu các khách hàng khác	***19.312.879.908***	***26.750.165.586***
Công ty Cổ phần Kinh doanh Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Quốc Việt	5.849.353.705	5.849.353.705
Công ty TNHH Hai Premium Treats	2.260.137.165	1.172.190.038
Công ty TNHH MTV Lan Anh Bình Dương	1.190.491.197	2.112.320.671
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Cá 2	614.919.006	5.080.661.049
Các khách hàng khác	9.397.978.835	12.535.640.123
Cộng	**19.724.899.908**	**26.750.165.586**

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	***43.568.839.855***	***50.148.819.855***
Công ty TNHH Thái Sơn (i)	43.568.839.855	50.148.819.855
Trả trước cho các người bán khác	***3.274.935.069***	***23.610.703.646***
Corpex Asia Ltd.,	-	21.098.089.194
Các nhà cung cấp khác	3.274.935.069	2.512.614.452
Cộng	**46.843.774.924**	**73.759.523.501**

(i) Khoản tiền trả trước theo hợp đồng mua bán số 001-2021/TS-API/HĐKT được ký ngày 19 tháng 8 năm 2021 và các phụ lục về việc tạm ứng cho việc mua 750.000 Ci nguồn phóng xạ Co-60 và chi phí cải tạo, vận chuyển, lắp đặt, tính toán phân bổ nguồn, lập thủ tục cấp phép và sử dụng.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	11.200.000	-	11.200.000	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	264.355.142	-	441.086.411	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	3.840.591	-
Cộng	**275.555.142**	**-**	**456.127.002**	**-**

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ dài hạn tại Ban Quản lý Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo thực hiện dự án Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Ứng dụng Công nghệ Chiếu xạ. Đến thời điểm hiện tại do vấn đề về pháp lý bao gồm thực hiện công tác rà soát điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng theo đúng quy định và chờ Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép cho việc sử dụng phóng xạ nên dự án vẫn chưa thực hiện. Công ty điều chỉnh tiến độ sẽ hoàn thành thủ tục pháp lý về quy hoạch và khởi công từ quý 3 năm 2024 đến quý 3 năm 2027 (xem thuyết minh V.21a).

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Kinh doanh Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Quốc Việt	Từ 03 năm trở lên	5.849.353.705	-	Từ 03 năm trở lên	5.849.353.705	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	523.720.476	366.604.333	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	272.054.170	190.437.919
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	606.185.674	303.092.837	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	419.601.447	209.800.723
	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	415.541.210	124.662.346	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	154.292.014	46.287.604
	Từ 03 năm trở lên	748.185.169	-	Từ 03 năm trở lên	4.244.109.215	-
Cộng		**8.142.986.234**	**794.359.516**		**10.939.410.551**	**446.526.246**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.492.884.305	9.875.307.695
Trích lập dự phòng	505.914.852	617.576.610
Xoá sổ công nợ	(3.650.172.439)	-
Số cuối năm	**7.348.626.718**	**10.492.884.305**

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	2.549.518.077	-	668.589.590	-
Hàng hóa	285.231.633	-	-	-
Cộng	**2.834.749.710**	-	**668.589.590**	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	239.743.955	26.956.477
Chi phí bảo hiểm	45.579.198	40.244.275
Chi phí sửa chữa	223.160.000	163.536.776
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	487.490.081	298.135.655
Cộng	**995.973.234**	**528.873.183**

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	925.086.630	1.988.545.325
Tiền thuê đất (i)	27.676.928.029	28.517.746.093
Chi phí nguồn xạ	69.500.085.002	73.079.245.202
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.308.393.493	2.547.216.072
Cộng	**99.410.493.154**	**106.132.752.692**

(i) Quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (xem thuyết minh V.18b).

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	315.095.192.494	529.141.552.593	31.876.307.303	26.837.660.213	902.950.712.603
Mua trong năm	-	431.049.200	1.609.650.091	231.291.182	2.271.990.473
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	80.224.545	784.828.988	131.091.000	-	996.144.533
Kết chuyển tài sản cố định trong năm	-	24.667.589.194	-	-	24.667.589.194
Số cuối năm	**315.175.417.039**	**555.025.019.975**	**33.617.048.394**	**27.068.951.395**	**930.886.436.803**
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	56.858.024.947	41.393.848.569	18.390.550.864	757.099.639	117.399.524.019
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	114.633.767.451	143.916.127.734	21.384.304.680	1.628.649.210	281.562.849.075
Khấu hao trong năm	11.512.374.786	38.068.517.243	1.629.303.383	3.315.565.533	54.525.760.945
Số cuối năm	**126.146.142.237**	**181.984.644.977**	**23.013.608.063**	**4.944.214.743**	**336.088.610.020**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	200.461.425.043	385.225.424.859	10.492.002.623	25.209.011.003	621.387.863.528
Số cuối năm	**189.029.274.802**	**373.040.374.998**	**10.603.440.331**	**22.124.736.652**	**594.797.826.783**
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh có nguyên giá là 44.332.983.208 VND và giá trị còn lại là 38.603.462.224 VND được đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT- APIRA ngày 01 tháng 3 năm 2022 với Bà Võ Thùy Dương (Xem thuyết minh số VIII.3).

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 464.144.524.972 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (xem thuyết minh V.18b).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	35.063.900.737	5.502.042.896	40.565.943.633
Số cuối năm	**35.063.900.737**	**5.502.042.896**	**40.565.943.633**
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	988.285.878	988.285.878
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	13.100.700.324	3.835.601.468	16.936.301.792
Khấu hao trong năm	976.815.792	971.665.296	1.948.481.088
Số cuối năm	**14.077.516.116**	**4.807.266.764**	**18.884.782.880**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	21.963.200.413	1.666.441.428	23.629.641.841
Số cuối năm	**20.986.384.621**	**694.776.132**	**21.681.160.753**
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ Quyền sử dụng đất của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (xem thuyết minh số V.18b).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	*78.000.000*	-	-	-	*78.000.000*
Xây dựng cơ bản dở dang	-	*1.168.334.083*	*(996.144.533)*	*(172.189.550)*	-
Dự án Nhà máy chiếu xạ Bình Dương	-	383.505.095	(211.315.545)	(172.189.550)	-
Dự án Nhà máy chiếu xạ Bắc Ninh	-	784.828.988	(784.828.988)	-	-
Cộng	**78.000.000**	**1.168.334.083**	**(996.144.533)**	**(172.189.550)**	**78.000.000**

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay (i)	19.821.631.453	17.448.155.842
Lỗ tính thuế (ii)	30.152.949.821	16.399.863.879
Cộng	**49.974.581.274**	**33.848.019.721**

(i) Chi tiết chi phí lãi vay không được trừ như sau:

Năm 2022	2.651.107.266
Năm 2023	14.797.048.576
Năm 2024	2.373.475.611
Cộng	**19.821.631.453**

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

(ii) Số lỗ tính thuế đã được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra của Cục thuế Tỉnh Bình Dương ngày 23 tháng 9 năm 2024. Chi tiết lỗ tính thuế chưa sử dụng như sau:

Năm 2023	16.399.863.879
Năm 2024	13.753.085.942
Cộng	**30.152.949.821**

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông (i)	7.615.488.325	7.278.393.209
Corpex Asia Ltd.,	3.590.587.000	-
Các nhà cung cấp khác	453.622.795	651.921.278
Cộng	**11.659.698.120**	**7.930.314.487**

(i) Công ty chưa thanh toán khoản nợ quá hạn cho Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông do đối tác chưa hoàn tất các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	381.831.572	-	3.400.569.661	(3.563.433.853)	218.967.380	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	228.623.188	(228.623.188)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	37.693.034	(37.693.034)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.514.507.447	500.551.395	(500.551.395)	-	2.514.507.447
Thuế thu nhập cá nhân	74.772.372	-	750.035.411	(735.958.959)	88.848.824	-
Tiền thuê đất	-	-	454.320.624	(454.320.624)	-	-
Thuế tài nguyên			35.243.797	(35.243.797)		
Các loại thuế khác	-	-	29.664.468	(29.664.468)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	155.615.544	(155.615.544)	-	-
Cộng	**456.603.944**	**2.514.507.447**	**5.592.317.122**	**(5.741.104.862)**	**307.816.204**	**2.514.507.447**

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu 0%
- Hàng tiêu thụ trong nước 05% hoặc 10%
  Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 áp dụng theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 và từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/12/2024 áp dụng theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ có một số loại hàng hóa dịch vụ áp dụng thuế suất 8%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(20.359.327.376)	(34.943.736.177)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- *Chi phí lãi vay không được trừ (i)*	*2.373.475.611*	*14.797.048.576*
- *Các khoản điều chỉnh tăng khác*	*4.232.765.823*	*3.746.823.722*
- *Các khoản điều chỉnh giảm*	-	-

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập tính thuế	(13.753.085.942)	(16.399.863.879)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	*500.551.395*	*665.320.184*
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**500.551.395**	**665.320.184**

(i) Chi phí lãi vay không được trừ này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất
Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Ban quản lý các dự án đầu tư – xây dựng Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh.

Các loại thuế khác
Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động
Tiền lương và thưởng phải trả cho nhân viên.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng môi giới	233.386.509	129.346.098
Chi phí duy tu bảo dưỡng hạ tầng và điều hành	1.080.629.070	1.080.629.071
Chi phí lãi vay	1.005.803.698	387.128.375
Chi phí điện	384.690.153	397.970.284
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	13.209.184	129.540.061
Cộng	**2.717.718.614**	**2.124.613.889**

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.250.661.890	1.111.111.890
Cổ tức phải trả	236.593.375	236.593.375
Hoa hồng phải trả	-	279.332.450
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	237.674.700	114.000.000
Cộng	**1.724.929.965**	**1.741.037.715**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	***26.000.000.000***	-
Vay Bà Trần Ngọc Thiên Nga (i)	26.000.000.000	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	***12.043.018.303***
Vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	2.292.551.495
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Sài Gòn	-	9.750.466.808
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	***74.400.000.000***	***74.400.000.000***
Cộng	**100.400.000.000**	**86.443.018.303**

(i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Bà Trần Ngọc Thiên Nga theo hợp đồng ký lần lượt vào ngày 10 tháng 6 năm 2024, ngày 12 tháng 9 năm 2024 và ngày 11 tháng 12 năm 2024 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất lần lượt là 8%/năm và 6,8%/năm, thời hạn vay lần lượt là 05 tháng, 6 tháng và 3 tháng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	12.043.018.303	22.004.508.630	-	(34.047.526.933)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	31.000.000.000	-	(5.000.000.000)	26.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	74.400.000.000	-	74.400.000.000	(74.400.000.000)	74.400.000.000
Cộng	**86.443.018.303**	**53.004.508.630**	**74.400.000.000**	**(113.447.526.933)**	**100.400.000.000**

18b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương để trả nợ trước hạn khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú để thực hiện "Dự án đầu tư nhà máy Chiếu xạ An Phú tại Bắc Ninh", thời hạn vay tối đa 78 tháng nhưng không vượt quá ngày 07 tháng 6 năm 2027. Lãi suất cố định trong 02 năm đầu kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, sau thời gian áp dụng lãi suất cho vay cố định thì lãi suất biến động theo lãi suất thị trường.

Khoản vay này được đảm bảo bởi:

- Tài sản gắn liền với tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số dc 9, diện tích 14.279,41 m² địa chỉ tại Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 131/AP-VCB/HĐTC/2020;
- Tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 58, diện tích 27.095,5 m² tại Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 132/AP-VCB/HĐTC/2020;
- Tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư xây dựng "Nhà máy Chiếu xạ An Phú" tại Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 133/AP-VCB/HĐTC/2020;
- Máy móc, thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 134/AP-VCB/HĐTC/2020 và 135/AP-VCB/HĐTC/2020;
- Quyền sử dụng tài sản và các khoản lợi phát sinh từ hợp đồng với Thửa đất số 200, tờ bản đồ số dc 9, diện tích 14.279,41 m², địa chỉ Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 136/AP-VCB/HĐTC/2020;

- Quyền sử dụng tài sản và các khoản lợi phát sinh từ hợp đồng với Thửa đất số 2, Tờ bản đồ số 58, diện tích 27.095,5 m², địa chỉ Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long theo Hợp đồng thế chấp số 137/AP-VCB/HĐTC/2020;
- Quyền sử dụng tài sản và các khoản lợi phát sinh từ hợp đồng với Thửa đất số 9, tờ bản đồ số 29, diện tích 15.000,00 m², địa chỉ Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh theo Hợp đồng thế chấp số 138/AP-VCB/HĐTC/2020.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	74.400.000.000	74.400.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	111.377.108.882	185.777.108.882
Cộng	**185.777.108.882**	**260.177.108.882**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	185.777.108.882	260.177.108.882
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(74.400.000.000)	(74.400.000.000)
Số cuối năm	**111.377.108.882**	**185.777.108.882**

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.213.992.680	13.259.292.680
Chi quỹ	(54.400.000)	(45.300.000)
Số cuối năm	**13.159.592.680**	**13.213.992.680**

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Võ Thùy Dương	80.529.200.000	80.529.200.000
Công ty TNHH Thái Sơn	44.596.540.000	44.596.540.000
Torus Capital Investments Pte. Ltd.	28.707.200.000	28.707.200.000
Ông Võ Thái Sơn	8.711.000.000	8.000.000.000
Bà Lê Thị Mỹ Duyên	5.483.400.000	5.483.400.000
Cổ phiếu quỹ	2.163.700.000	2.163.700.000
Các cổ đông khác	31.022.910.000	31.733.910.000
Cộng	**201.213.950.000**	**201.213.950.000**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ-API ngày 25 tháng 6 năm 2021 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu như sau:

- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần
- Số lượng chào bán dự kiến: 19.905.025 cổ phần
- Giá chào bán: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định
- Thời gian dự kiến chào bán: Quý 04/2021

- Nguyên tắc xác định giá chào bán: dựa trên giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2020 (căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán năm 2020) và tình hình thị trường tại thời điểm chào bán
- Tỷ lệ thực hiện quyền mua: 1:1. Số cổ phiếu mỗi cổ đông được quyền mua sẽ làm tròn đến hàng đơn vị
- Mục đích chào bán và phương án sử dụng vốn: Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng cho việc đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển ứng dụng công nghệ chiếu xạ (APIRA) và bổ sung vốn lưu động.

Do ảnh hưởng bởi dịch covid-19 làm trì hoãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư nên việc huy động vốn của Công ty đã điều chỉnh lại theo thời gian thực hiện dự án (từ quý 3 năm 2023 đến quý 4 năm 2027).

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.121.395	20.121.395
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.121.395	20.121.395
- *Cổ phiếu phổ thông*	*20.121.395*	*20.121.395*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(216.370)	(216.370)
- *Cổ phiếu phổ thông*	*(216.370)*	*(216.370)*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.905.025	19.905.025
- *Cổ phiếu phổ thông*	*19.905.025*	*19.905.025*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	643.714.628	643.714.628
Trên 01 năm đến 05 năm	2.574.858.510	2.574.858.510
Trên 05 năm	26.099.051.953	26.753.495.157
Cộng	**29.317.625.090**	**29.972.068.295**

Khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm tổng số tiền thuê đất 29.616,5 m^2 đất tại vị trí lần lượt là số 9570-1/GĐ-TNMT đối với Lô E6-6, Đường D9, Khu Công nghệ cao, Phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức và vị trí số 9570-2/GĐ-TNMT đối với Lô E6-7, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức với giá thuê là 21.735 VND/m^2/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 49 năm 11 tháng tính từ ngày 26 tháng 12 năm 2019 đến ngày 21 tháng 11 năm 2069 (xem thuyết minh V.5b và V.20b).

21b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 109.442,28 USD (số đầu năm 1.879,48 USD).

21c. Nợ khó đòi đã xử lý

Trong năm Công ty đã xử lý xóa các khoản nợ phải thu không thu hồi được với tổng số tiền 3.650.172.439 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	128.898.698.562	116.268.405.756
Doanh thu khác	2.202.729.535	1.641.916.739
Cộng	**131.101.428.097**	**117.910.322.495**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch bán hàng với Công ty TNHH Thái Sơn với số tiền là 381.500.000 VND (năm trước là không có giao dịch phát sinh).

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ đã cung cấp

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.057.476.138	4.581.235.272
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.361.933	13.381.352
Cộng	**1.068.838.071**	**4.594.616.624**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.937.338.082	31.840.194.487
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	156.342.516	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	214.678.801	203.996.363
Cộng	**20.308.359.399**	**32.044.190.850**

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.494.256.974	2.788.411.847
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	27.131.058	5.488.641
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.454.708	43.819.227
Chi phí hoa hồng	2.184.691.349	1.958.519.490
Các chi phí khác	76.804.814	36.400.244
Cộng	**4.790.338.903**	**4.832.639.449**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.718.707.281	12.783.557.276
Chi phí đồ dùng văn phòng	326.970.773	420.188.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.355.943.585	4.023.285.299
Thuế, phí và lệ phí	14.126.300	18.910.390
Dự phòng phải thu khó đòi	505.914.852	617.576.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.280.659.865	3.739.356.673
Các chi phí khác	5.070.827.268	6.365.643.880
Cộng	**28.273.149.924**	**27.968.518.839**

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Hàng tặng, khuyến mãi	520.912.950	170.142.302
Thu nhập khác	31.775.165	1.364.469
Cộng	**552.688.115**	**171.506.771**

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	351.006.509	220.620.825
Chi phí khác	942.800	44.527.042
Cộng	**351.949.309**	**265.147.867**

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(20.859.878.771)	(35.609.056.361)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(20.859.878.771)	(35.609.056.361)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	19.905.025	19.905.025
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**(1.048)**	**(1.789)**

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.475.540.883	12.148.097.720
Chi phí nhân công	35.841.857.845	36.238.622.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	56.474.242.033	49.099.614.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.485.515.822	20.044.353.204
Chi phí khác	8.144.816.368	7.780.155.222
Cộng	**132.421.972.951**	**125.310.843.350**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định	3.083.416.700	23.606.207.594
Phải trả tiền mua sắm tài sản cố định	3.876.276.104	413.953.397

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bà Võ Thùy Dương		
Thanh toán chi phí Công ty bằng thẻ visa cá nhân	2.192.015.373	3.033.110.218
Ông Võ Thái Sơn		
Thanh toán chi phí Công ty bằng thẻ visa cá nhân	841.891.429	893.805.388
Bà Trần Ngọc Thiên Nga		
Vay	31.000.000.000	-
Lãi vay	764.547.946	

Việc mua dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong tại thuyết minh số V.18a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Huỳnh Ngọc Hậu	Chủ tịch HĐQT	206.400.000	208.000.000
Bà Võ Thùy Dương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.156.467.559	1.375.980.000
Ông Võ Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc	824.231.504	830.120.000
Bà Lê Thị Mỹ Duyên	Thành viên HĐQT	318.897.593	303.230.000
Bà Huỳnh Thị Bích Loan	Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch ủy ban kiểm toán nội bộ	180.600.000	182.000.000
Bà Phạm Thị Lượng	Thành viên HĐQT kiêm Thành viên ủy ban kiểm toán nội bộ	37.488.889	182.000.000
Bà Trần Ngọc Trâm	Thành viên HĐQT	112.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Hoàng	Phụ trách quản trị	154.800.000	156.000.000
Cộng		**2.990.885.545**	**3.237.330.000**

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty TNHH Thái Sơn là cổ đông có ảnh hưởng đáng kể.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng cho bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty có phát sinh các giao dịch về mua hàng của Công ty TNHH Thái Sơn với số tiền là 5.981.800.000 VND (năm trước là 45.299.627.768 VND).

Giá hàng hóa cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thoả thuận. Việc mua hàng hóa từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thoả thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.4.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ chiếu xạ khử trùng và lưu kho bảo quản sản phẩm. Các dịch vụ này không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế.

Các dịch vụ của Công ty được cung cấp cho khách hàng tại khu vực Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Miền Tây Nam Bộ và Miền Bắc thông qua Trụ sở chính và các Chi nhánh của Công ty. Các thị trường này cũng không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty tiếp tục bị lỗ 20.859.878.771 VND và tại ngày đó, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 44.529.489.976 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, đến ngày 21 tháng 3 năm 2025 Công ty đã nhận được Thông báo cấp tín dụng từ Ngân hàng TMCP Á Châu với hạn mức là 170.000.000.000 VND và thời gian vay là 10 năm. Công ty sẽ dùng khoản vay này để hoàn vốn vay đầu tư dự án Nhà máy chiếu xạ An Phú tại Bắc Ninh. Do vậy Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Thông tin khác

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT- APIRA ngày 01 tháng 3 năm 2022, Công ty và Bà Võ Thuỳ Dương đã hợp tác đầu tư, xây dựng và mua sắm thiết bị Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14, với diện tích 76,2 m^2, địa chỉ số 157 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Theo Hợp đồng, Bà Võ Thùy Dương góp vốn bằng việc chuyển giao quyền sử dụng đất trong vòng 20 năm cho Công ty, Công ty góp vốn với số tiền là 45.000.000.000 VND để thực hiện xây dựng văn phòng trên đất theo giấy phép xây dựng đã được cấp cho Công ty, thời gian hợp tác là 20 năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 3 năm 2022 đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2042, sau thời gian trên Công ty sẽ chuyển giao tài sản (Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho Bà Võ Thùy Dương). Ngoài ra Công ty sẽ trả thêm chi phí hỗ trợ từ năm thứ 09 với số tiền là 30.000.000 VND/tháng vào ngày cuối cùng mỗi tháng.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Bình Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Phan Thị Lợi	**Trần Thị Hồng Mai**	**Võ Thùy Dương**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	201.213.950.000	121.440.570.454	(2.163.700.000)	9.269.234.725	296.489.921.785	626.249.976.964
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(35.609.056.361)	(35.609.056.361)
Số dư cuối năm trước	**201.213.950.000**	**121.440.570.454**	**(2.163.700.000)**	**9.269.234.725**	**260.880.865.424**	**590.640.920.603**
Số dư đầu năm nay	201.213.950.000	121.440.570.454	(2.163.700.000)	9.269.234.725	260.880.865.424	590.640.920.603
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(20.859.878.771)	(20.859.878.771)
Số dư cuối năm nay	**201.213.950.000**	**121.440.570.454**	**(2.163.700.000)**	**9.269.234.725**	**240.020.986.653**	**569.781.041.832**

Bình Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Phan Thị Lợi	Trần Thị Hồng Mai	Võ Thùy Dương
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc